

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000681

Trang : 1/2

Môn học: **An toàn điện và môi trường công nghiệp (228090) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **10/04/2023**

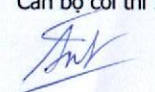
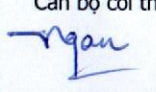
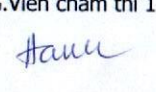
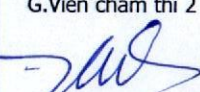
Giờ: **09:45**

Phòng thi: **B103**

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Tuấn Anh	 Phan Kim Ngân	 Nguyễn Thị Hạnh	 Phan Thị Lan

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150013	NGUYỄN QUỐC BẢO	29/05/2004	CCQ2215A		04	Bảo	7,9	9,6	8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122150001	PHỤNG TẤN GIA	09/07/2004	CCQ2215A		01	Phụng Tấn Gia	5,6	8,8	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122060017	VÕ HOÀNG DUY	01/10/2004	CCQ2215A		08	Cầm Thị				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122150027	LỮ PHAN THÀNH	12/02/2004	CCQ2215A		03	Thành	7,3	9,2	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122150026	HOÀNG NGUYỄN NHẬT	09/08/2004	CCQ2215A		04	Nhật	6,1	8,4	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122150024	HUỲNH THANH	02/03/2004	CCQ2215A		01	Thanh	8,7	9,4	9,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122150023	NGUYỄN QUỐC HOÀI	08/01/2004	CCQ2215A		02	Hoài	7,7	9,6	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122150021	HOÀNG VẤN	06/06/2004	CCQ2215A		03	Vấn	7,1	8,8	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122150018	ĐÌNH VẤN	27/02/2004	CCQ2215A		02	Vấn	7,7	9,6	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122030206	PHẠM TUẤN	31/12/2004	CCQ2215A		01	Tuấn	6,6	8,8	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122150020	TRẦN MINH	30/07/2001	CCQ2215A		02	Minh	6,6	8,6	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122150015	NGUYỄN HUỲNH MINH	12/04/2004	CCQ2215A		03	Minh	7,6	9,6	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122150004	PHAN VĂN	26/06/2004	CCQ2215A		02	Văn	8,1	8,8	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122150011	LÊ QUỐC MẠNH	16/01/2004	CCQ2215A		01	Mạnh	7,2	9,4	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122150022	NGUYỄN ĐỨC	01/03/2004	CCQ2215A		02	Đức	5,0	8,8	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122150008	LÊ VĂN PHỤNG	25/11/2003	CCQ2215B			Cầm Thị				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122150017	TRẦN KHÁNH	27/10/2004	CCQ2215B		04	Khánh	6,7	9,2	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122150007	NGUYỄN MINH	27/10/2004	CCQ2215B		01	Minh	7,3	7,6	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122150016	NGUYỄN XUÂN	28/06/2004	CCQ2215B		02	Xuân	7,6	9,6	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122150006	NGUYỄN THÀNH	20/04/2004	CCQ2215B		03	Thành	8,1	9,4	8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000681

Trang : 2/2

Môn học: **An toàn điện và môi trường công nghiệp (228090) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **10/04/2023**

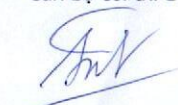
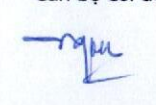
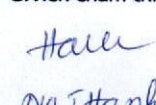
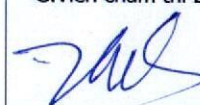
Giờ: **09:45**

Phòng thi: **B103**

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Tuấn Anh	Cán bộ coi thi 2  Đan Kim Ngân	G.Viên chấm thi 1  Ngô Thanh	G.Viên chấm thi 2  Trần Văn
--	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150019	NGUYỄN MINH TRÍ	01/11/2003	CCQ2215B		04		7,7	7,4	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122150009	PHẠM NGUYỄN HOÀI TRÍ	22/01/2004	CCQ2215B				5,4			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122150014	NGUYỄN VĂN TRUYỀN	25/10/2004	CCQ2215B		04		6,9	9,0	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122150012	NGUYỄN VĂN VÀNG	27/11/2004	CCQ2215B			Cán bộ				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122150010	TRẦN NHƯ TUẤN VŨ	19/10/2003	CCQ2215B		02		6,4	9,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **An toàn điện và môi trường công nghiệp (228090) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **B104**

Mã nhận dạng: 000682

Trang : 1/2

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Đức Cường</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Thị Lan Hương</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Haun</i> <i>ng T Hanh</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>TTLO</i>
---	---	--	----------------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122150028	LÊ TẤN BĂNG	29/09/2004	CCQ2215A		04	<i>Băng</i>	7,0	8,8	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122150040	HUỖNH DUY BÌNH	08/10/2004	CCQ2215A		01	<i>Bình</i>	7,7	9,4	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122150002	TRƯƠNG THANH BÌNH	07/10/2003	CCQ2215A		01	<i>Bình</i>	6,4	8,8	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122150034	NGUYỄN XUÂN GIÁP	16/12/2004	CCQ2215A		04	<i>Giáp</i>	8,1	9,2	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122150036	NGUYỄN KHẮC NAM HOÀNG	21/03/2004	CCQ2215A		01	<i>Hoàng</i>	6,5	8,4	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122150032	VI TUẤN HÙNG	21/03/2004	CCQ2215A		04	<i>Hùng</i>	7,4	9,4	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122150043	GIÁ TẤN HUYỀN	17/06/2004	CCQ2215A		01	<i>Huyền</i>	7,4	8,8	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122150101	NGUYỄN MINH LÝ	28/12/2003	CCQ2215A		02	<i>Lý</i>	8,9	9,6	9,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122150094	VŨ VĂN MINH	20/08/2004	CCQ2215A		02	<i>Minh</i>	5,0	9,0	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122170583	HUỖNH THÁI NHÃ	30/06/2004	CCQ2215B		02	<i>Thái</i>	7,4	9,0	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122150095	ĐOÀN GIA THIÊN PHÚC	20/08/2004	CCQ2215B			<i>Cần Thi</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122150037	ĐỖ THẾ QUÂN	01/01/2004	CCQ2215B		02	<i>Quân</i>	7,3	8,6	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122150088	LÊ TIẾN QUÂN	17/11/2004	CCQ2215B			<i>Cần Thi</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122150039	NGUYỄN ĐỨC QUÂN	18/05/2004	CCQ2215B			<i>Cần Thi</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122150087	NGUYỄN HIỂU QUÂN	08/10/2003	CCQ2215B			<i>Cần Thi</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122150005	TRẦN VĂN QUÍ	15/03/2004	CCQ2215B			<i>Cần Thi</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122150029	CAO HUỖNH THÁI SON	20/07/2004	CCQ2215B		03	<i>Sơn</i>	6,9	8,6	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122150038	NGUYỄN TRÍ TÀI	07/02/2004	CCQ2215B		02	<i>Tài</i>	7,1	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122150086	NGUYỄN VŨ HOÀI TẤN	11/06/2004	CCQ2215B		03	<i>Tấn</i>	7,6	8,8	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122150035	HUỖNH VĂN THỊNH	28/09/2003	CCQ2215B		02	<i>Thịnh</i>	5,8	7,2	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **An toàn điện và môi trường công nghiệp (228090) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

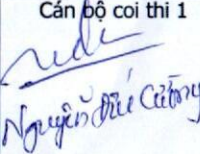
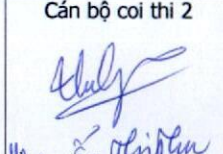
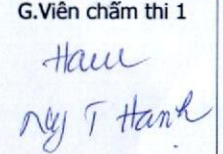
Ngày thi: **10/04/2023**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **B104**

Mã nhận dạng: 000682

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
Số SV có mặt: 20	Số bài thi: 20		
Số tờ giấy thi: 20			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122150025	PHAN NGỌC THÔNG	21/03/2004	CCQ2215B		03		7,1	9,6	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122150042	ĐẶNG CÔNG TRÌNH	26/04/2004	CCQ2215B		01		6,5	9,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122150030	HỒ QUANG TRUNG	28/10/2004	CCQ2215B		04		7,6	9,6	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122150031	NGUYỄN MINH TRỰC	17/02/2004	CCQ2215B		01		8,1	9,4	8,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122150096	TÔ TUẤN VIỆT	14/10/2004	CCQ2215B		04		8,1	9,2	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9